

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 23 tháng 6 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 27/2019/TLST-DS ngày 15/7/2019 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Ông Phùng Minh H, sinh năm 1964 (có mặt);

2. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1966 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã H, huyện C, tỉnh V

Người đại diện hợp pháp của ông Phùng Minh H, bà Nguyễn Thị B: Anh Lưu Công Đ, sinh năm 1976; địa chỉ ấp B, xã B, huyện C, tỉnh V, theo văn bản ủy quyền ngày 30/01/2019 (vắng mặt).

- *Bị đơn:*

1. Anh Nguyễn Văn Út N, sinh năm 1983 (có mặt);

2. Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1970 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã H, huyện C, tỉnh V

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Phan Thị T, sinh năm 1990 (vắng mặt);

2. Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1973 (vắng mặt);

3. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1993 (vắng mặt);

4. Anh Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1999 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã H, huyện C, tỉnh V

Người đại diện hợp pháp của chị Phan Thị T, bà Đỗ Thị L, anh Nguyễn Văn T và anh Nguyễn Thành Đ: Anh Nguyễn Văn Út N, sinh năm 1983; địa chỉ: Ấp L, xã H, huyện C, tỉnh V, theo văn bản ủy quyền ngày 03/3/2020 (có mặt).

5. Chị Phùng Cẩm S, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp L, xã H, huyện C, tỉnh V (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

6. Chị Phùng Xuân Y, sinh năm 1987; địa chỉ: C K K 170 P, F (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của chị Phùng Xuân Y: Anh Lưu Công Đ, sinh năm 1976; địa chỉ ấp B, xã B, huyện C, tỉnh V, theo văn bản ủy quyền ngày 12/07/2019 (vắng mặt).

7. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1965 (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt);

8. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1967 (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã H, huyện C, tỉnh V.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Nguyên đơn ông Phùng Minh H, bà Nguyễn Thị B với bị đơn anh Nguyễn Văn M, anh Út N thống nhất nhất với Sơ đồ khu kèm theo Công văn số 327/VPĐKĐĐ-KTĐC ngày 21/6/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh V, chứa lối đi chung 02m ngang. Vị trí đất như sau:

- Hướng Bắc (đầu trên) từ điểm 1 giáp Tỉnh lộ 911, hướng Tây giáp thửa 769 kéo sang hướng Đông của thửa 770 chiều ngang 02m, chiều dài 22,47m làm lối đi chung.

- Hướng Tây (đầu dưới) từ điểm 4 giáp thửa 769, hướng Nam giáp thửa 771A kéo sang điểm 3 hướng Đông của thửa 770 chiều ngang 02m, chiều dài 22,47m làm lối đi chung.

(Sơ đồ khu đất kèm theo Công văn số 327/VPĐKĐĐ-KTĐC ngày 21/6/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Trà Vinh).

2.2. Về án phí: Bị đơn anh Nguyễn Văn M, anh Nguyễn Văn Út N tự nguyện chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn ông Phùng Minh H và bà Nguyễn Thị B đã nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0004905 ngày 15/7/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh. Do nguyên đơn ông H bà B đã nộp tạm ứng án phí trước nên cơ quan thi hành án thu số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) từ bị đơn anh M, anh Út N để hoàn trả lại cho ông H bà B.

2.3. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tổng số tiền 8.502.000 đồng (*tám triệu, năm trăm lẻ hai nghìn đồng*), nguyên đơn ông Phùng Minh H và bà Nguyễn Thị B tự nguyện chịu 1.502.000 đồng (*một triệu, năm trăm lẻ hai nghìn đồng*), bị đơn anh Nguyễn Văn M và anh Nguyễn Văn Út N tự nguyện chịu 7.000.000 đồng (*bảy triệu đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng nguyên đơn ông H bà M đã nộp 9.000.000 đồng (*chín triệu đồng*), còn dư lại 498.000 đồng (*bốn trăm chín mươi tám nghìn đồng*) hoàn trả cho nguyên đơn ông H bà B nhận tại Tòa án nhân dân tỉnh V. Do chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản nguyên đơn đã nộp tạm ứng trước và chi xong, nên cơ quan thi hành án thu số tiền 7.000.000 đồng (*bảy triệu đồng*) từ bị đơn anh Út N, anh M để hoàn trả lại cho nguyên đơn ông H bà B.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND tỉnh V;
- CTHADS tỉnh V;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trịnh Hữu Bình